

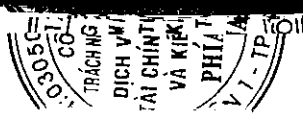
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất
cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014
đã được soát xét*



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có một công ty con, một công ty liên kết như sau:

Công ty con

Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ

Địa chỉ

Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 1.286.139.148 VND (Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 127.014.365 VND).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 là 3.001.896.491 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 1.715.757.343 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

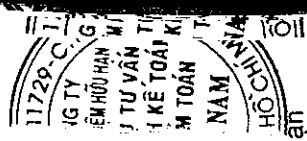
Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Trương Văn Tích	Thành viên
Ông Bùi Khắc Hào	Thành viên
Bà Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên
Bà Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)
(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)
(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)
(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Bách Mộng Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Kế toán trưởng



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

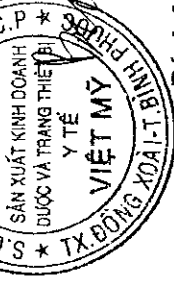
Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Hội đồng Quản trị

S. B. K. D. 3. 80. 02. 37. 99. 8. C. T. C. P.
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
ĐỒNG XOAÌ - T. BÌNH PHƯỚC

Chủ tịch



Bách Mộng Hà

Số 228 /BCKTTC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ ("Công ty") và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) được lập ngày 10 tháng 07 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỐC

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

VÀ KIỂM TOÁN

PHÍA NAM

HÀNG TRẠI - TP. HỒ CHÍ MINH

Kiểm toán viên

ĐỖ KHÁC THANH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2014-142-1

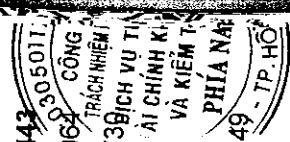
TẠ QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2014-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	Đơn vị tính: VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.661.763.421	9.455.003.249
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.757.435.480	2.181.523.772
111	1. Tiền		2.757.435.480	2.181.523.772
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.399.517.443	4.982.321.443
131	1. Phải thu khách hàng		2.065.217.213	3.068.323.064
132	2. Trả trước cho người bán		3.334.300.230	1.913.232.738
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác			
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	04		765.649
140	IV. Hàng tồn kho		1.868.462.828	1.999.663.847
141	1. Hàng tồn kho		1.868.462.828	1.999.663.847
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	05		
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	06	636.347.670	291.494.187
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		275.886.604	67.337.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		275.710.236	177.693.595
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		84.750.830	46.462.907
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.501.924.931	17.588.083.001
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
220	II. Tài sản cố định		16.306.665.892	16.831.298.998
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	2.502.010.692	2.798.948.052
222	- Nguyên giá		6.052.066.506	6.052.066.506
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.550.055.814)	(3.253.118.454)
224	2. Tài sản cố định thuế tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	8.665.219.242	8.892.914.988
228	- Nguyên giá		13.530.830.000	13.530.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.865.610.758)	(4.637.915.012)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	5.139.435.958	5.139.435.958
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.586.309.150	
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10	2.586.309.150	
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Lợi thế thương mại			
270	VI. Tài sản dài hạn khác		608.949.889	756.784.003
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	283.611.889	31.446.003
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác	12	325.338.000	725.338.000
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		30.163.688.352	27.043.086.250



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	01/01/2014
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		6.038.550.759
310	I. Nợ ngắn hạn		4.525.416.539
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	500.000.000
312	2. Phải trả người bán		117.026.800
313	3. Người mua trả tiền trước		8.218.935
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	52.148.995
315	5. Phải trả người lao động		58.969.713
316	6. Chi phí phải trả	15	43.540.456
317	7. Phải trả nội bộ		
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	60.685.161
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
330	II. Nợ dài hạn		1.513.134.220
331	1. Phải trả dài hạn người bán		
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		
333	3. Phải trả dài hạn khác		
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	1.513.134.220
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.004.535.491
410	I. Vốn chủ sở hữu		21.004.535.491
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	21.157.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.562.792.834
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.001.896.491)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
432	1. Nguồn kinh phí		
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.043.086.250

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu

Thuyết
minh

30/06/2014

01/01/2014

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

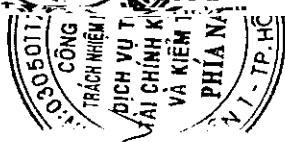
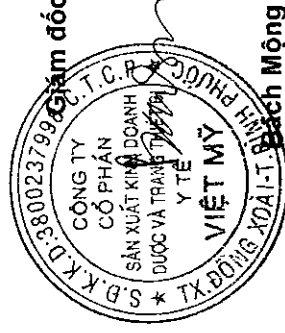
Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			Đơn vị tính: VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.636.060.100	4.722.574.870
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.636.060.100	4.722.574.870
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.798.477.281	3.322.301.684
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(162.417.181)	1.400.273.186
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.242.928	4.700.697
22	7. Chi phí tài chính	25	121.187.745	184.824.295
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		121.187.745	182.424.450
24	8. Chi phí bán hàng		99.808.418	142.807.236
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.093.286.745	937.544.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.474.457.161)	139.797.679
31	11. Thu nhập khác		274.596.643	
32	12. Chi phí khác		72.587.780	12.783.314
40	13. Lợi nhuận khác		202.008.863	(12.783.314)
			(13.690.850)	
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.286.139.148)	127.014.365
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.286.139.148)	127.014.365
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		(1.286.139.148)	127.014.365
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	(608)	60

Người lập biểu

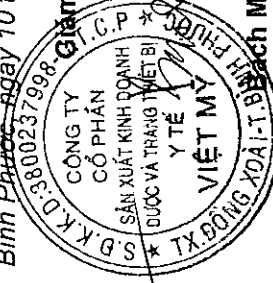
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 6 tháng đầu năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
		Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.286.139.148)	127.014.365
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		524.633.106	577.203.936
03	2. Các khoản dự phòng			
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(2.242.928)	(4.700.697)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		121.187.745	182.424.450
06	5. Chi phí lãi vay			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(642.561.225)	881.942.054
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(553.500.564)	(486.893.805)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		131.201.019	768.753.360
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.592.198.606)	1.225.195.335
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước			
13	- Tiền lãi vay đã trả		(460.714.805)	71.911.351
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(121.549.654)	(176.230.005)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		400.000.000	1.564.948.630
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(811.088.440)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.839.323.835)	3.038.538.480
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			(1.674.257.457)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.600.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.242.928	4.700.697
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.597.757.072)	(1.669.556.760)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		9.112.992.615	2.900.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.100.000.000)	(3.200.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			(1.077.432.848)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013	Đơn vị tính: VND
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.012.992.615	(1.377.432.848)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		575.911.708	(8.451.128)	
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.181.523.772	1.784.426.962	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>2.757.435.480</u>	<u>1.775.975.834</u>	


Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

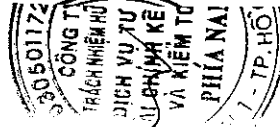
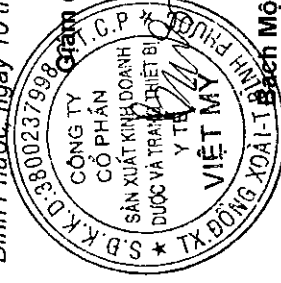


Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất; kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý kỹ gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.



1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con	Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ
Tên công ty	Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM
Địa chỉ	5.016.886.834 VND
Vốn điều lệ	100%
Tỷ lệ góp vốn	
Công ty liên kết	
Tên công ty	Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn
Địa chỉ	A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM
Vốn điều lệ	8.600.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	30,23%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 10 năm
- Thiết bị công cụ quản lý 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

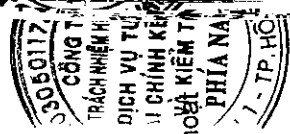
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

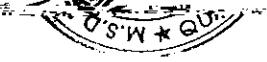
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

- Tiền mặt	30/06/2014	01/01/2014
- Tiền gửi ngân hàng	2.229.880.735	2.027.375.052
- Tiền đang chuyển	527.554.745	154.148.720
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	2.757.435.480	2.181.523.772

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

- Phải thu khác	30/06/2014	01/01/2014
+ Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính		765.649
+ Khác		765.649
Cộng		765.649

5. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu	30/06/2014	01/01/2014
- Công cụ, dụng cụ	1.563.193.826	1.180.293.005
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.370.000	300.546.867
- Thành phẩm	245.039.314	457.804.605
- Hàng hóa	34.859.688	61.019.376
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.868.462.828	1.999.663.847

6. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2014	01/01/2014
- Công cụ, dụng cụ	275.886.604	67.337.685
- Phí giám sát môi trường	228.467.698	57.261.495
- Phí sửa chữa văn phòng	5.181.807	8.636.355
- Phí quản lý niêm yết	19.844.600	1.439.835
- Phí bảo hộ lao động	7.500.000	
	14.892.499	
Thuế GTGT được khấu trừ	275.710.236	177.693.595
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	84.750.830	46.462.907
Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	84.750.830	46.462.907
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
+ Đặt cọc thuê nhà		
Cộng	636.347.670	291.494.187

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công
----------	------------------------	------------------	---------------------	------------------	------

1. Nguyên giá	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147	6.052.066.506	
2. Số tăng trong kỳ					
- Mua sắm mới					
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147	6.052.066.506	

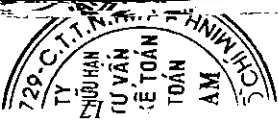
1. Số dư đầu kỳ	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707	3.253.118.454	
2. Số tăng trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450	296.937.360	
- Khấu hao trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450	296.937.360	
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	1.186.899.728	2.004.132.929	359.023.157	3.550.055.814	

1. Số dư đầu kỳ	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440	2.798.948.052	
2. Số tăng trong kỳ	395.633.334	1.655.392.368	450.984.990	2.502.010.692	
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	869.393.318	3.494.862.996	935.702.430	5.300.958.744	

1. Số dư đầu kỳ	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707	3.253.118.454	
2. Số tăng trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450	296.937.360	
- Khấu hao trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450	296.937.360	
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	1.186.899.728	2.004.132.929	359.023.157	3.550.055.814	

III. Giá trị còn lại

Tại ngày đầu kỳ	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440	2.798.948.052	
Tại ngày cuối kỳ	395.633.334	1.655.392.368	450.984.990	2.502.010.692	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

8. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCD vô hình khác	Cộng
Nguyên giá	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Số dư đầu kỳ					
Số tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ					
- Tào ra từ nội bộ DN					
- Tặng do hợp nhất KD					
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế	91.000.000	4.546.915.012			4.637.915.012
Số dư đầu kỳ					
Số tăng trong kỳ		227.695.746			227.695.746
- Khấu hao trong kỳ		227.695.746			227.695.746
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	91.000.000	4.774.610.758			4.865.610.758
Giá trị còn lại	4.332.000.000	4.559.915.012			8.892.914.988
Tại ngày đầu kỳ	4.332.000.000	4.333.219.242			8.665.219.242
Tại ngày cuối kỳ	4.332.000.000	4.333.219.242			8.665.219.242



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Trong đó:	30/06/2014	01/01/2014
- Công trình văn phòng Bình Dương	16.363.636	16.363.636
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	1.572.950.638	1.572.950.638
- Nhà máy bao bì	790.532.684	790.532.684
- Công trình nhà máy tại Khu công nghệ cao TP.HCM	2.759.589.000	2.759.589.000

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)
- Phần lợi nhuận trong công ty liên kết thuộc về Công ty

Cộng

	30/06/2014	01/01/2014
	2.600.000.000	
	(13.690.850)	
	2.586.309.150	

(*) Thông tin về công ty liên kết như sau:

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn

Cộng

Tỷ lệ sở hữu (%)	30/06/2014	01/01/2014	Giá trị khoản đầu tư
30,23%	2.600.000.000		Giá trị khoản đầu tư
	2.600.000.000		

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Công cụ dụng cụ
- Tôn mạ màu
- Sửa chữa máy li tâm
- Sửa chữa nhà xưởng

Cộng

	30/06/2014	01/01/2014	Giá trị khoản đầu tư
	48.220.552	6.300.000	
	19.558.005	25.146.003	
	108.888.888		
	106.944.444		
	283.611.889	31.446.003	

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Ký quỹ thuê tài chính

Cộng

	30/06/2014	01/01/2014
	325.338.000	725.338.000
	325.338.000	725.338.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Vay ngắn hạn	30/06/2014	01/01/2014
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)	589.592.615	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	589.592.615	500.000.000
Cộng	589.592.615	500.000.000

(*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại ngày 30/06/2014 là 8%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế khác

	30/06/2014	01/01/2014
	23.008.771	
	29.140.224	
Cộng	52.148.995	



Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Trích trước chi phí lãi vay
- Trích trước phí kiểm toán
- Trích trước lương tháng 13

	30/06/2014	01/01/2014
	3.540.454	3.902.363
	40.000.002	65.000.000
27.890.000		
Cộng	43.540.456	96.792.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn	15.548.130	
- Bảo hiểm xã hội	2.691.023	
- Bảo hiểm y tế	1.196.008	
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngân hàng	41.250.000	41.250.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.720.000.000
+ Phải trả tiền mượn của Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ		
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh		1.320.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền		1.000.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào		1.400.000.000
+ Khác		

Cộng

60.685.161 **3.761.250.000**

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
Vay dài hạn	9.436.534.220	1.513.134.220
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)	1.936.534.220	1.513.134.220
- Công ty CP Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn (**)	7.500.000.000	
	9.436.534.220	1.513.134.220

Cộng

9.436.534.220 **1.513.134.220**

- (*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HĐ ngày 28/06/2014.
- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng
 - Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 30/06/2013 là 11,85%/năm.
 - Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sinh phẩm chuẩn đoán y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.
 - Thời hạn vay: 48 tháng.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

- (**) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014.
- Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng
 - Lãi suất: 0%/tháng
 - Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Làm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
 - Thời hạn vay: 36 tháng.
 - Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính
---------------------------	----------------------	----------------------------	--------------	--------------------------	-----------------------	------------------------

Số dư đầu năm trước 21.157.500.000 (1.860.473.364) 1.562.792.834

Tăng vốn trong năm trước

Lãi trong năm trước

Tăng khác

Trích lập các quỹ từ lợi nhuận

Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát

Lỗ trong năm trước

Chia cổ tức

Giảm khác

Số dư đầu năm 21.157.500.000 (1.715.757.343) 1.562.792.834

Tăng vốn trong kỳ

Lợi nhuận trong kỳ

Tăng khác

Lỗ trong kỳ

Chia cổ tức

Trích lập các quỹ từ lợi nhuận

Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát

Giảm khác

Số dư cuối kỳ 21.157.500.000 (3.001.896.491) 1.562.792.834



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2014

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND
30/06/2014	01/01/2014
21.157.500.000	21.157.500.000
21.157.500.000	21.157.500.000

Vốn góp của các cổ động

Cộng

18. c) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

30/06/2014	01/01/2014
1.562.792.834	1.562.792.834

Cộng

1.562.792.834	1.562.792.834
----------------------	----------------------

18. d) Cổ phiếu

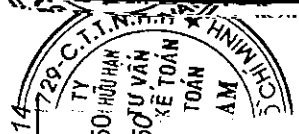
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

30/06/2014	01/01/2014
2.115.750	2.115.750
2.115.750	2.115.750

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

2.115.750	2.115.750
2.115.750	2.115.750

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Đơn vị tính: VND

Thông tin bộ phận của một công ty được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc
- Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Lĩnh vực kinh doanh

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là dược phẩm.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Khu vực địa lý

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu duy nhất tại thị trường Việt Nam.

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND
- Doanh thu bán hàng	6 tháng đầu năm 2014
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2013
	4.722.574.870
Cộng	4.722.574.870

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
----------------------	----------------------

Cộng

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuận sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuận dịch vụ

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
----------------------	----------------------

Cộng

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
----------------------	----------------------

970.085.038

828.392.243

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
----------------------	----------------------

3.322.301.684

3.322.301.684

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
----------------------	----------------------

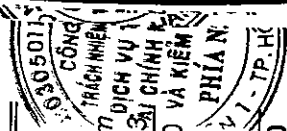
2.242.928

4.700.697

Cộng

2.242.928

4.700.697



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
121.187.745	182.424.450
	2.399.845

Cộng

121.187.745	184.824.295
--------------------	--------------------

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013

Cộng

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

- Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành
- Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu

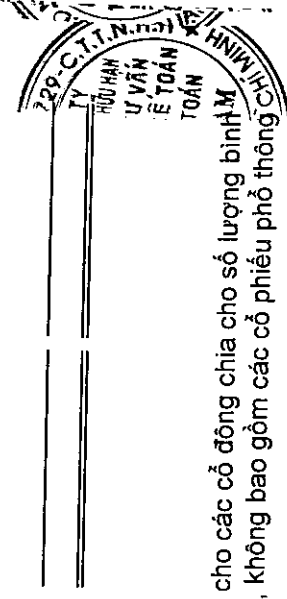
6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
(1.286.139.148)	127.014.365
2.115.750	2.115.750
(608)	60

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
562.888.317	1.143.474.280
1.336.536.652	1.107.415.920
524.633.106	577.203.936
732.545.374	611.745.179
398.979.120	3.000.000
3.555.582.569	3.442.839.315

Cộng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	2.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	51.599.613
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiểm Giám đốc	Hoàn tiền đặt cọc thuế xe	400.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	10.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiểm Giám đốc	Lương và thưởng	126.300.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	60.879.930

Cho đến ngày 30/06/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000

29.2. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản như sau:

Tài sản thế chấp	Đơn vị tính: VND
Hàng tồn kho	30/06/2014
Tài sản cố định hữu hình	01/01/2014
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	4.332.000.000

Cộng

4.332.000.000

4.332.000.000

29.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

29.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND, - TP. HỒ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014			
Phải trả người bán	121.844.349		121.844.349
Vay và nợ	589.592.615	9.436.534.220	10.026.126.835
Phải trả người lao động	58.969.713		58.969.713
Chi phí phải trả	43.540.456		43.540.456
Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.685.161		60.685.161
Cộng	874.632.294	9.436.534.220	10.311.166.514

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

29.6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

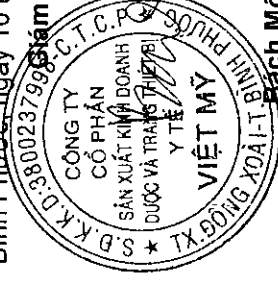
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Chiam đốc



Bạch Mộng Hà